TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT
Ngày 30/7/2019
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Ông Trịnh Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Đình H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số X THĐ, tổ N, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số X THĐ, tổ N, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Đặng Đình H – Nguyên đơn

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng ngày 16/9/1998. Quá trình chung sống, vợ chồng sống bình

thường đến năm 2011. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, thường xuyên cãi vã, chửi bới xúc phạm nhau. Ông H cho rằng mâu thuẫn là do cả hai bên. Trong cuộc sống bà H là người quyết định mọi vấn đề, ông H không được tham gia, không được ý kiến. Bà H coi thường ông, mê tín và nghi ngờ ông ngoại tình. Bản thân ông chỉ chơi bời bạn bè không ngoại tình như bà H trình bày. Do vậy vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài đến nay không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Đặng Tiến D, sinh năm 2000. Nay con chung đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ông Đặng Đình T, địa chỉ Tổ H, thị trấn LT, huyện BBL số tiền 20.000.000đ. Nay ông tự thỏa thuận với chủ nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện BL là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường, không xảy ra những mâu thuẫn như ông H trình bày. Mọi việc trong gia đình bà đều bàn bạc với ông H và ông H không có ý kiến gì. Trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn là do ông H nhắn tin cho người phụ nữ khác. Có lần ông H đã viết cam kết chỉ là tình cảm chơi bời qua đường và hứa sẽ sửa đổi, bà H cũng đã tha thứ cho ông H, vợ chồng vẫn tiếp tục cuộc sống chung. Bản thân ông H không quan tâm đến gia đình, vợ con. Từ năm 2010 đến nay ông H không đưa tiền lương về cho bà để lo cuộc sống gia đình và con cái. Nay bà vẫn còn tình cảm với ông H, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Bà thừa nhận bà và ông H có một con chung tên là Đặng Tiến D, sinh năm 2000, con chung đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ anh Nguyễn Gia T, địa chỉ Tổ H, thị trấn LT, huyện BL, số tiền 100.000.000đ. Số tiền này là vợ chồng bà thống nhất chuyển nhượng cho anh T một lô đất giá 300.000.000đ, đã nhận trước 100.000.000đ, vợ chồng đã dùng tiền này để trả các khoản nợ vay trước đây. Nay ông H không thống nhất bán đất nữa thì cùng có trách nhiệm trả cho anh T. Còn khoản nợ của ông Đặng Đình T là nợ riêng của ông H bà không có trách nhiệm trả.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn.

Về tài sản chung: ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 21/5/2019 ông H kháng cáo yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà H không đồng ý với kháng cáo của ông H, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông H, bà H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H xin ly hôn, bà H không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Xin ly hôn"* là đúng pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu được ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện, ông H trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp tính cách nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Bà H không tôn trọng ông, mọi vấn đề bà H tự quyết không bàn bạc gì với ông. Từ năm 2017 đến nay tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân, không

quan tâm trách nhiệm với nhau. Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Trong quá trình chung sống, ông H chủ yếu đi học nghiệp vụ, bà phải đảm đương mọi công việc trong gia đình. Mâu thuẫn là do ông H nhắn tin cho người phụ nữ khác, ông H đã viết cam kết và hứa sẽ thay đổi. Bà H cũng đã chấp nhận tha thứ, vợ chồng chung sống và công tác bình thường.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa ông H và bà H có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà H là người sống có trách nhiệm với gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H đều xác định vẫn còn tình cảm với ông H. Bà không đồng ý ly hôn để vợ chồng cùng có trách nhiệm với gia đình, nuôi dạy con chung. Trên thực tế hiện nay ông H, bà H vẫn sống chung nhà, làm việc cùng cơ quan. Hơn nữa, nguyện vọng được đoàn tụ của bà H là chính đáng. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, tạo điều kiện về thời gian cho ông H, bà H tự nhìn nhận bản thân, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Đình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Đình H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn.

2.Về tài sản chung: ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đặng Đình H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0013239 ngày 03/01/2019 và 300.000đ theo Biên lai thu số

AA/2016/0012989 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt